

New Policy Approaches on FDI Attraction of Vietnam in the New Context

Nguyễn Thị Hải Yến and Đỗ Ngọc Kiên

Executive Summary

Vietnam is becoming an attractive destination of FDI. Vietnamese policymakers always create favorable conditions in attracting foreign investment flows. Total investment capital into Vietnam has increased significantly and the main reason comes from the efforts of the Government of Vietnam. This policy brief outlines the changes in government policy in attracting FDI into Vietnam using the systematic literature review approach. Through reviewing and synthesizing legal documents and policies related to FDI, we believe that Vietnam has approached FDI capital in a more active and selective manner.

The policy brief indicates a new context including (1) the new normal after the Covid-19 pandemic, (2) the trend of digital transformation on a global scope, (3) the trend of signing new-generation FTA, (4) strategic competition of major powers and geopolitical conflicts, (5) global climate change. On that basis, the policy summary shows new approaches in Vietnam's policy orientation: from "attracting at all costs" to "selective attraction", from "passive attraction" to "active attraction", from "attraction based on financial performance and project size" to "attraction based on socio-economic – environmental performance" and finally cooperation between the FDI sector and the local enterprises for increasing local contents in value-added. The state has paid more attention to technology transfer issues, competitiveness of domestic enterprises as well as environmental related impacts.

Keywords: FDI, FDI Attraction, New Context

NHỮNG TIẾP CẬN MỚI VỀ ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH THU HÚT DÒNG VỐN FDI TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI

Nguyễn Thị Hải Yến và Đỗ Ngọc Kiên¹

Tóm tắt

Việt Nam đang trở thành điểm thu hút đầu tư nước ngoài hấp dẫn. Các nhà hoạch định chính sách của Việt Nam luôn tạo điều kiện thuận lợi trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Tổng số vốn đầu tư vào Việt Nam tăng lên đáng kể và nguyên nhân chính xuất phát từ những nỗ lực của Chính phủ Việt Nam. Bài tóm tắt chính sách này chỉ ra những thay đổi về chính sách của Nhà nước trong việc thu hút nguồn vốn FDI vào Việt Nam sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu nghiên cứu. Thông qua việc rà soát và tổng hợp các văn bản pháp lí, chính sách liên quan đến FDI, chúng tôi cho rằng, Việt Nam đã tiếp cận nguồn vốn FDI một cách chủ động, chọn lọc hơn. Bài tóm tắt chính sách chỉ ra bối cảnh mới bao gồm (1) Bình thường mới sau Đại dịch Covid-19, (2) Xu hướng chuyển đổi số trên phạm vi toàn cầu, (3) xu hướng ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, (4) cạnh tranh chiến lược của các nước lớn và xung đột địa chính trị, (5) biến đổi khí hậu toàn cầu. Trên cơ sở đó, tóm tắt chính sách chỉ ra các tiếp cận mới trong định hướng chính sách của Việt Nam: từ “thu hút bằng mọi giá” sang “thu hút có chọn lọc”, từ “thu hút thụ động” sang “thu hút chủ động”, từ “thu hút dựa trên hiệu quả tài chính và quy mô dự án” sang “thu hút dựa trên hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường” và cuối cùng là hợp tác giữa khu vực FDI và khu vực nội địa, gia tăng giá trị trong nước. Nhà nước đã đặt mối quan tâm nhiều hơn đến vấn đề chuyển giao công nghệ, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nội địa cũng như là các tác động liên quan đến môi trường.

Từ khoá: FDI, thu hút FDI, bối cảnh mới

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) từ lâu đã được coi là một nguồn vốn nước ngoài, giúp bù đắp sự thiếu hụt vốn trong hoạt động sản xuất của mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là ở các quốc gia đang phát triển. FDI có tác động đến tăng trưởng kinh tế một cách sâu rộng. Về phía cung, FDI là một con đường để chuyển giao công nghệ, tổ chức lại sản xuất, cung cấp nguồn nhân lực hàng đầu, đồng thời bổ sung nguồn vốn thiếu hụt cho phát triển kinh tế từ các quốc gia phát triển đến các quốc gia đang phát triển. Về phía cầu, FDI đóng vai trò là động lực thúc đẩy xuất khẩu, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, tạo việc làm, tăng lương cho người lao động, v.v. giữa các quốc gia. Tuy nhiên, còn phụ thuộc vào các yếu tố như trình độ vốn nhân lực, cơ sở hạ tầng đầu tư ở mỗi quốc gia, sự ổn định kinh tế vĩ mô và chính sách thương mại để xác định xem nó là tích cực hay tiêu cực. Hầu hết các quốc gia chủ nhà đặc biệt quan

¹ Viện Kinh tế và Kinh doanh quốc tế, trường Đại học Ngoại thương, Trưởng tiểu ban nghiên cứu Chương trình WTO Chair tại trường Đại học Ngoại thương. Email liên hệ: dongockien@ftu.edu.vn. Tóm tắt chính sách này được thực hiện trên cơ sở một working paper của nhóm tác giả

tâm đến việc làm thế nào để khuyến khích sự gia tăng dòng vốn vào quốc gia của họ do những lợi thế tiềm năng đáng kể của FDI. Kể từ thời điểm đó, cả nghiên cứu và thực tiễn đều thường xuyên sử dụng thuật ngữ thu hút vốn FDI.

1.1. Chính sách thu hút FDI

Chính sách thu hút FDI được mô tả cụ thể như một hệ thống các chính sách, quy định, biện pháp cũng như là các công cụ khác mà Nhà nước sử dụng để khuyến khích hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài. được sử dụng trong một khoảng thời gian xác định trước để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Một trong những yếu tố chính ảnh hưởng đến mức độ hấp dẫn của môi trường đầu tư đối với những đầu tư nước ngoài là chính sách thu hút FDI. Các giấy tờ pháp lý và quy định hướng dẫn hoạt động FDI là những ví dụ về cách thể hiện các chính sách thúc đẩy FDI. Khi xem xét khuôn khổ của các quy tắc này, chúng ta có thể đánh giá mức độ bảo đảm quyền lợi của nhà đầu tư cũng như môi trường đầu tư cởi mở, hợp lý và hấp dẫn của quốc gia sở tại. Việc xây dựng các chính sách thu hút FDI với tư cách là một bộ phận cấu thành của chính sách kinh tế đối ngoại trước hết phải dựa trên các nguyên lý cơ bản của quan hệ kinh tế quốc tế, như nguyên tắc bình đẳng, có đi có lại và tôn trọng độc lập chủ quyền, cũng như là độc lập, tôn trọng công việc nội bộ của nhau, ... Đồng thời phải dựa trên các lý thuyết tạo ra hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài. Hơn nữa, để mang lại hiệu quả, các chính sách FDI phải dựa trên thực tiễn, bao gồm cả các yếu tố trong nước và toàn cầu ảnh hưởng đến hoạt động FDI.

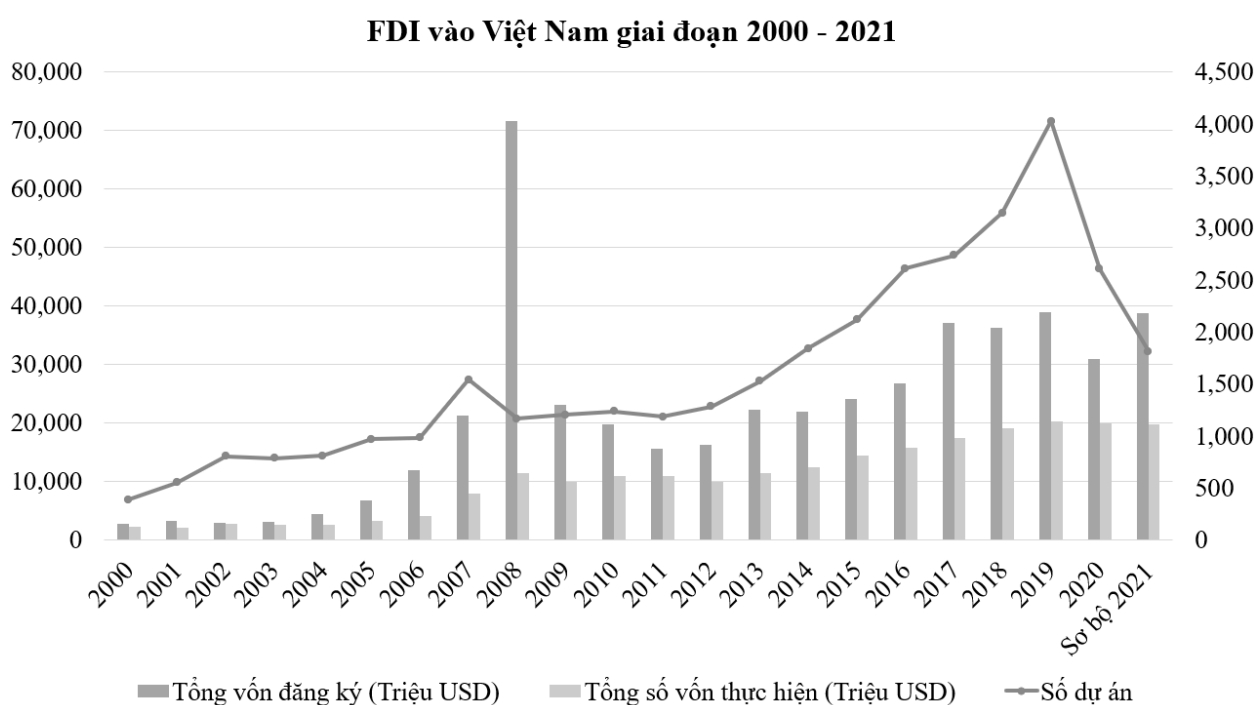
Chính sách thu hút FDI đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Điều này có thể hiểu được vì hoạt động đầu tư nước ngoài bao gồm nhiều cá nhân và tổ chức, được thực hiện trong một khoảng thời gian dài và diễn ra ở những địa điểm xa lạ; do đó, các nhà đầu tư mong muốn một khung pháp lý ổn định, khuôn khổ pháp luật và các quy định để đảm bảo và thúc đẩy đầu tư một cách thống nhất, không có mâu thuẫn. Nước chủ nhà sẽ được hưởng lợi rất nhiều từ dòng vốn đầu tư trực tiếp do tính đầy đủ, hợp lý, hiệu quả và nhất quán của chính sách. Tuy nhiên, cũng có thể xảy ra trường hợp chính sách này sẽ thực sự trở thành rào cản đối với dòng tiền FDI. Ví dụ: Nếu quy trình hành chính rườm rà, chông chéo, không đồng bộ và không phù hợp với các quy định, nhà đầu tư nước ngoài có thể gặp khó khăn.

Thực trạng chính sách thu hút FDI tại Việt Nam

Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam không ngừng tăng sau 30 năm mở cửa thu hút đầu tư nước ngoài. Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký vào Việt Nam đã tăng liên tục và đáng kể từ năm 2015, từ 22,7 tỷ USD năm 2015 lên 38,95 tỷ USD năm 2019. Năm 2019, lượng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam lớn thứ 2, chỉ đứng sau năm 2008. Đây là kết quả của xu hướng chuyển dịch vốn FDI rời Trung Quốc do ảnh hưởng từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, trong

năm 2020, song song với sự suy thoái của nền kinh tế toàn cầu, vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam có sự sụt giảm và chỉ đạt 28,53 tỷ USD, giảm 25% so với năm 2019. Đánh giá toàn bộ giai đoạn 2000–2020, vốn FDI thực hiện vào Việt Nam đã tăng liên tục kể từ năm 2009 (Hình). Tuy nhiên, dòng vốn FDI năm 2021 đã có dấu hiệu tăng trưởng trở lại và được đánh giá là “điểm sáng” trong bức tranh kinh tế toàn cầu vốn chịu nhiều tác động của dịch Covid-19, do Chính phủ và các cơ quan chức năng đã kịp thời vào cuộc, ban hành các giải pháp, chính sách nhằm tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cũng như các quy định, hướng dẫn cho các doanh nghiệp thích ứng với tình hình mới, hoạt động sản xuất – kinh doanh của các doanh nghiệp cũng đang dần hồi phục. Cụ thể, năm 2021, theo Cục Đầu tư nước ngoài (2021), tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2021 đạt 31,15 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 1: FDI vào Việt Nam



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Luật Đầu tư 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 đã kế thừa và khắc phục những hạn chế của Luật Đầu tư 2014 và có nhiều điểm mới tạo động lực cho thu hút FDI vào Việt Nam, như: Số lượng ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện giảm từ 243 xuống còn 227 ngành và bổ sung thêm những ngành nghề được ưu đãi đầu tư; mở rộng cơ hội cho thị trường mua bán, sáp nhập doanh nghiệp (M&A). Ngoài ra, Việt Nam cũng đã sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống các chính sách tài chính như: Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu... cùng với hệ thống các văn bản hướng dẫn về cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam. Việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, đặc biệt là pháp luật về đầu tư hứa hẹn những dòng vốn đầu tư FDI vào nước ta trong tương lai

ngày càng lớn hơn. Như vậy, trong giai đoạn qua, Chính phủ đã có chủ trương và tiến hành triển khai nhiều chính sách quyết liệt thông qua các nghị quyết về cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhằm nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh quốc gia, đồng thời tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

Tuy nhiên, đối chiếu với các cam kết quốc tế đa phương và song phương thì hệ thống luật pháp nước ta vẫn không nhất quán về thể chế, chính sách, các văn bản được ban hành sau có một số nội dung khác, thậm chí đối lập với văn bản trước. Tính minh bạch của luật pháp là một nhược điểm lớn, khá nhiều nội dung điều luật không đủ rõ ràng để điều khiển các hành vi kinh tế, thậm chí có thể được hiểu theo các nghĩa khác nhau. Tình trạng phổ biến là sau khi đã ban hành luật lại phải chờ nghị định của Chính phủ, rồi thông tư của các bộ, thường một luật có nhiều nghị định, thậm chí vài chục nghị định, mà nghị định do nhiều bộ khởi thảo, nên chậm, có những nội dung không phù hợp, thậm chí trái luật. Tình trạng “phép vua thua lệ làng” là hiện tượng đáng lưu ý, một số cơ quan trung ương và chính quyền địa phương tự ý ban hành các văn bản trái luật, hoặc chưa thi hành nghiêm chỉnh luật pháp. Đặc biệt là, khi phát hiện những vi phạm cụ thể thì chưa được cơ quan có thẩm quyền kịp thời ra quyết định đình chỉ thi hành văn bản trái luật hoặc xử lý nghiêm minh những tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về tình trạng đó. Việc thực thi pháp luật chưa nghiêm, những tổ chức và cá nhân vi phạm pháp luật chưa được xử lý kịp thời.

Có thể thấy, trong thời gian qua, việc thu hút FDI đã nảy sinh tình trạng đối lập giữa lợi ích cục bộ của từng ngành, từng địa phương, từng doanh nghiệp với lợi ích của toàn quốc gia. Trong khi môi trường đầu tư cần được cải thiện, cần giảm mạnh chi phí cơ hội cho các dự án FDI, thực hiện bình đẳng về luật pháp giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI... thì lợi ích cục bộ đã trở thành “lực cản” lớn nhất cho quá trình thu hút FDI và phát triển kinh tế. Đặc biệt, chính sách đầu tư là lĩnh vực không ngừng thay đổi do sự chuyển dịch liên tục của dòng vốn FDI trong khu vực trên thế giới, cũng như các xu hướng bên cầu trong khi các chính sách đầu tư của Việt Nam lại có xu hướng được xây dựng trên cơ sở những trở ngại của các loại hình đầu tư mà Việt Nam đã thu hút được, chứ không phải để định hướng và đáp ứng hiệu quả yêu cầu về những loại hình đầu tư mà Việt Nam cần thu hút thêm về sau này.

2. Bối cảnh mới và những cơ hội, thách thức trong thu hút FDI tại Việt Nam

2.1. Đại dịch Covid-19

Đại dịch COVID-19 đã tạo nên một cuộc khủng hoảng toàn cầu với quy mô chỉ xếp sau hai cuộc Chiến tranh thế giới và cuộc Đại suy thoái 1930 (World Bank, 2021). Đại dịch đã và sẽ tiếp tục tạo nên nhiều thử thách cho Việt Nam trong việc thu hút vốn FDI. *Thứ nhất*, đại dịch đã làm giảm đáng kể sản lượng toàn cầu do những cú sốc lớn từ cả phía cung và cầu - điều này gây ra trở ngại cho Việt Nam do các nhà đầu tư ngày càng thận trọng hơn khi đưa ra quyết định phân tán hoạt động ở quốc gia khác. *Thứ hai*, do các chính sách đóng cửa

biên giới, sự gián đoạn của dịch vụ logistics, sự chậm trễ trong vận chuyển nguyên liệu đầu vào, cũng như phân phối hàng hóa và dịch vụ khiến cho hoạt động của các doanh nghiệp FDI bị chậm lại.

Tuy nhiên, Việt Nam cũng đạt được nhiều cơ hội trong thu hút thêm dòng vốn FDI trước bối cảnh “cú sốc ngoại sinh” lớn như COVID-19. *Thứ nhất*, đại dịch đã mang lại cho các TNCs động lực để tái cấu trúc chuỗi giá trị của mình, tập trung mạnh hơn vào tính đa dạng, linh hoạt, khả năng phục hồi và bền vững hơn là vấn đề chi phí / lợi ích truyền thống. FDI hiện đang có xu hướng rời khỏi Trung Quốc và Việt Nam có tiềm năng thay thế nước này trở thành một trung tâm sản xuất toàn cầu.

Thứ hai, đại dịch khuyến khích các doanh nghiệp tích cực áp dụng công nghệ mới và tạo ra các mô hình kinh doanh mới. Các doanh nghiệp đã được thúc đẩy để tự động hóa một số giai đoạn trong quy trình sản xuất và tăng cường sử dụng nhiều nền tảng trực tuyến trước tình hình nền kinh tế buộc phải đóng cửa. Cách tiếp cận này có thể hỗ trợ các quốc gia đang phát triển như Việt Nam thay đổi quan điểm về hoạt động vận hành doanh nghiệp và hoạch định chính sách, thúc đẩy việc áp dụng công nghệ mới và thực hiện các chính sách thu hút FDI mới, đặc biệt là FDI từ các doanh nghiệp FDI có thể gia tăng giá trị cho chuỗi cung ứng trong nước.

2.2. Xu hướng chuyển đổi số trên phạm vi toàn cầu

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra nhanh chóng và có tác động đáng kể đến mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội ở mọi quốc gia trên trái đất. Cuộc cách mạng làm thay đổi mạnh mẽ nhiều lĩnh vực, từ tổ chức sản xuất đến cung cấp dịch vụ, mô hình kinh doanh đến tiêu dùng, giao tiếp và thậm chí cả con người. Cuộc cách mạng này đang đặt ra những trở ngại và cũng tạo cơ hội cho Việt Nam “đi tắt đón đầu” sánh vai các nước công nghiệp phát triển trong trường hợp chúng ta có một kế hoạch tổng thể và dài hạn về cách mạng công nghiệp 4.0.

Mặc dù đại dịch COVID-19 có thể làm giảm đầu tư quốc tế do hoạt động kinh tế bị gián đoạn nghiêm trọng, nhưng tiến bộ công nghệ và số hóa cải thiện tính liên kết của thế giới và có tác động tích cực đến dòng vốn FDI quốc tế. *Thứ nhất*, các doanh nghiệp hiện có thể kết nối nhanh hơn với chi phí hợp lý hơn và hiệu quả hơn trong phối hợp các quy trình R&D, chuỗi cung ứng, sản xuất, bán hàng và hậu mãi. *Thứ hai*, do ảnh hưởng của chuyển đổi kỹ thuật số tạo ra sự chuyển dịch từ các ngành công nghiệp truyền thống sang lĩnh vực công nghệ cao, từ đó tạo cơ hội cho Việt Nam thu hút vốn FDI vào lĩnh vực này. *Thứ ba*, số hóa gây áp lực buộc Việt Nam phải sửa đổi chính sách và phương thức kinh doanh đồng thời tạo cơ hội để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào ngành công nghiệp công nghệ cao.

Tuy nhiên, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng đặt ra một số khó khăn cho việc thu hút vốn FDI. *Thứ nhất*, chuyển đổi kỹ thuật số có thể làm giảm dòng vốn FDI của Việt

Nam. Việt Nam sẽ không còn là một lựa chọn vì, trong bối cảnh Công nghiệp 4.0, mục tiêu chính của các TNCs là tìm kiếm tri thức và công nghệ, chứ không chỉ đơn giản là thị trường (truyền thống) và các nguồn lực (hữu hình). Theo UNCTAD (2017), sự hiện diện của các chi nhánh của TNCs kỹ thuật số và công nghệ là rất ít ở các nền kinh tế đang phát triển và chủ yếu tập trung ở các quốc gia phát triển, đặc biệt là Hoa Kỳ. Thứ hai, trong khi dòng vốn FDI trên toàn cầu đang có xu hướng giảm mạnh và ngày càng có nhiều lựa chọn hơn về phương thức và hiệu quả đầu tư, thì quá trình chuyển đổi số sẽ làm gia tăng áp lực cạnh tranh thu hút FDI từ các nước trong khu vực. Sự phát triển của thương mại tự do đối với các sản phẩm, dịch vụ và lao động có kỹ năng đã làm gia tăng sự cạnh tranh ở Đông Nam Á nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghệ cao và dịch vụ hiện đại. Thứ ba, trải qua cuộc cách mạng kỹ thuật số, các dây chuyền công nghệ lạc hậu và các mặt hàng khác có thể bị dịch chuyển vào Việt Nam nói chung, đặc biệt là ở các khu vực kém phát triển nói riêng. Do đó, việc kiểm soát công nghệ và khả năng tài chính của các dự án FDI trở nên khó khăn.

2.3. Xu hướng ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

Tính đến thời điểm cuối tháng 12/2020, Việt Nam đã ký kết và đàm phán 17 FTA. Trong số đó, đã ký kết 2 FTA thế hệ mới quan trọng là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA). Việc ký kết và tham gia vào các FTA này tạo nhiều cơ hội cũng như thách thức cho phát triển kinh tế của Việt Nam trong thời gian tới.

Về tiềm năng, các FTA thế hệ mới, đặc biệt là CPTPP, đã tạo điều kiện để các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm hơn đến thị trường Việt Nam thông qua việc đàm phán và ký kết các FTA. Minh chứng điển hình là sự gia tăng vốn đầu tư vào năm 2019 từ các quốc gia như Hàn Quốc, Nhật Bản và những quốc gia khác là đối tác quan trọng trong các FTA đã có hiệu lực. Khi các FTA có hiệu lực, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam được hưởng một số lợi thế, đặc biệt là về rào cản về thuế quan. Các nhà đầu tư nước ngoài sẽ tận dụng cơ hội này để thúc đẩy đầu tư vào Việt Nam. FTA hỗ trợ giảm chi phí chuyển giao hàng hóa trung gian và thành phẩm giữa công ty mẹ ở nước sở tại và các công ty con tại địa phương. Tác động của các FTA đối với thể chế kinh tế và môi trường kinh doanh của Việt Nam cũng là một yếu tố chính khiến Việt Nam có thêm cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài. Chính phủ Việt Nam cần tăng cường hơn nữa việc rà soát, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, xây dựng các chính sách mới và thực hiện các cơ chế mới nhằm tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho nền kinh tế Việt Nam, qua đó cải thiện và thúc đẩy thu hút vốn FDI vào Việt Nam.

Cùng với những thuận lợi rõ rệt khi ký kết hàng loạt FTA, cũng không ít trở ngại và khó khăn cho Việt Nam. Thứ nhất, vì nhu cầu đáp ứng các cam kết rộng rãi và các tiêu chuẩn cao cùng giai đoạn chuyển đổi ngắn hơn so với khi gia nhập WTO, nhiều doanh nghiệp, nhà sản

xuất trong nước có quy mô nhỏ, trình độ quản lý công nghệ, năng suất lao động và khả năng cạnh tranh thấp nên nhiều khả năng nhiều ngành, doanh nghiệp, hàng hóa của nước ta có thể gặp thách thức không chỉ trên thị trường toàn cầu mà cả trên thị trường nội địa. *Thứ hai*, Việt Nam cũng có thể hưởng lợi từ các ưu đãi thuế quan. Tuy nhiên, các sản phẩm của Việt Nam phải tuân thủ các tiêu chuẩn vệ sinh và dịch tễ của thị trường nhập khẩu cũng như các hạn chế liên quan đến kỹ thuật và xuất xứ. Các sản phẩm của Việt Nam thực sự gặp khó khăn khi thâm nhập thị trường của các đối tác FTA do các hạn chế nghiêm ngặt về kỹ thuật và hệ thống vệ sinh và kiểm dịch động thực vật. *Thứ ba*, việc thực hiện các cam kết bảo vệ các quyền cơ bản của người lao động và nâng cao trình độ của người lao động đặt ra những vấn đề mới đối với Việt Nam do ảnh hưởng của các hiệp định FTA hiện nay.

2.4. Cạnh tranh chiến lược của các nước lớn, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc

Xu hướng chuyển đầu tư nước ngoài sang các khu vực như Đông Nam Á và Ấn Độ sẽ gia tăng do căng thẳng thương mại giữa Trung Quốc và Mỹ leo thang. Đối với các nhà đầu tư, Việt Nam cũng có thể là một lựa chọn thay thế khả thi so với Trung Quốc. Bằng cách tiếp nhận đầu tư quốc tế, Việt Nam có thể nâng cao năng lực của mình để tham gia đầy đủ hơn vào chuỗi cung ứng. Nhiều doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ của Mỹ và Nhật Bản đang chuyển đầu tư ra khỏi Trung Quốc. Tập đoàn Pegatron (Đài Loan) - 1 trong 5 nhà sản xuất hàng điện tử và linh kiện hàng đầu tại thế giới, đề xuất kế hoạch đầu tư khoảng 1 tỷ USD để xây dựng cơ sở sản xuất tại khu công nghiệp Nam Đình Vũ - Hải Phòng. Đáng chú ý, Pegatron cũng đang có dự định chuyển trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) từ Trung Quốc sang Việt Nam vào thời điểm thích hợp. Dự kiến sẽ tạo ra khoảng 22.500 việc làm trực tiếp khi dự án này đi vào hoạt động và dự kiến sẽ mang lại nguồn thu ngân sách nhà nước ban đầu là 100 tỷ đồng / năm. Foxconn và Luxshare, đã hoạt động tại Việt Nam được 3 năm, đang đẩy mạnh đầu tư - sản xuất và thực hiện nhiều dự án tầm cỡ khác.

Tuy nhiên, tái định hướng chiến lược của các quốc gia lớn cũng ảnh hưởng đến dòng vốn FDI quốc tế, gây ra vô số khó khăn cho Việt Nam. Do xu hướng toàn cầu đối với chủ nghĩa bảo hộ, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), động cơ của toàn cầu hóa, đang dần có xu hướng chậm lại. Châu Á đóng vai trò là một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng điện tử toàn cầu kết nối Hoa Kỳ và Trung Quốc, nhưng do xung đột chưa có hồi kết giữa hai nền thương mại lớn nhất thế giới, ngày càng có nhiều doanh nghiệp cắt giảm hoạt động. Nhiều doanh nghiệp không muốn xây dựng nhà máy mới khi nhu cầu về các sản phẩm điện tử giảm xuống do môi trường kinh doanh chậm lại. Thay vào đó, họ cố gắng vượt qua sự suy giảm bằng cách tăng cường sử dụng công suất của các nhà máy hiện tại của họ.

2.5. Biến đổi khí hậu toàn cầu

Hiện nay, không chỉ Việt Nam mà toàn thế giới đều đang phải đối mặt với thách thức biến đổi khí hậu toàn cầu. Những chính sách về biến đổi khí hậu đã được thông qua và áp dụng từ xã

hội dân sự sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, thương mại và đầu tư toàn cầu, đặt ra thách thức cho các TNCs trong việc xây dựng những chuỗi giá trị không ảnh hưởng tới môi trường.

Biến đổi khí hậu và việc áp dụng các quy định về môi trường sẽ tạo ra thách thức đối với đến lợi thế so sánh của Việt Nam trong việc thu hút FDI từ TNCs. *Thứ nhất*, biến đổi khí hậu có thể tạo ra những gián đoạn trong hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế, làm gián đoạn các chuỗi cung ứng, vận chuyển và phân phối hàng hoá. *Thứ hai*, với những ngành xuất khẩu tiềm năng mà Việt Nam đặt mục tiêu thu hút như nông – lâm – thủy sản, những ngành này phụ thuộc nhiều vào vốn tự nhiên, dễ bị ảnh hưởng bởi các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt, trong khi năng lực kinh tế, thể chế và kỹ thuật để đối phó và thích ứng với biến đổi khí hậu của ta còn chưa cao. *Thứ ba*, việc các quốc gia gia tăng các quy định về môi trường có thể làm cho dòng FDI chất lượng thấp, gây ô nhiễm môi trường dịch chuyển sang Việt Nam do quy định, tiêu chuẩn về môi trường Việt Nam còn chưa chặt chẽ, năng lực quản lý, giám sát các dự án liên quan đến môi trường chưa cao.

Tuy nhiên, bên cạnh những thách thức trên, biến đổi khí hậu cũng mang đến nhiều cơ hội mới cho Việt Nam. Đối với một số ngành như nông nghiệp, thực phẩm - những ngành mà Việt Nam có nhiều tiềm năng, việc thích ứng với biến đổi khí hậu có thể tạo ra các cơ hội kinh doanh mới, trên cơ sở đó thu hút doanh nghiệp FDI đầu tư vào những lĩnh vực này. Đồng thời, những áp lực từ chính sách môi trường toàn cầu sẽ tạo động lực cho chính phủ Việt Nam hoàn thiện quy định, tiêu chuẩn về môi trường, chính sách sàng lọc dự án và quản lý, giám sát nhà đầu tư để nâng cao chất lượng các dự án FDI.

3. Những tiếp cận mới trong định hướng chính sách thu hút FDI

3.1. Chuyển từ “thu hút bằng mọi giá” sang “thu hút có chọn lọc”

Trong nhiều năm qua, các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương luôn “trải thảm đỏ”, áp dụng các chính sách ưu đãi “hậu hĩnh” để chào mời các công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp nổi tiếng và các dự án lớn, trong khi chúng ta chưa chú trọng với các dự án vừa và nhỏ trong các ngành hỗ trợ. Vì vậy, trong thời gian tới đòi hỏi cần cải tiến, đổi mới tư duy từ quan điểm lãng phí, đua nhau ưu đãi bằng cách giảm chi phí sang cách tiếp cận mới - cạnh tranh dựa trên những lợi thế riêng, các thế mạnh chiến lược của Việt Nam.

Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 1/1/2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 đã nhấn mạnh sự cần thiết xây dựng định hướng thu hút có chọn lọc các dự án FDI: định hướng thu hút các tập đoàn đa quốc gia, xuyên quốc gia có quy mô lớn, có năng lực công nghệ và sẵn sàng chuyển giao công nghệ thông qua các hoạt động nghiên cứu phát triển (R&D) và đào tạo nhân lực hướng tới Cách mạng công nghiệp 4.0. Thu hút đầu tư từ những tập đoàn này, Việt

Nam sẽ có cơ hội học hỏi được kinh nghiệm của các doanh nghiệp FDI tiên tiến, đồng thời lan toả và kích thích các doanh nghiệp, cộng đồng sáng tạo tham gia vào cuộc cách mạng này.

Trong khi đó, Dự thảo Chiến lược FDI giai đoạn 2018-2023, do Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp cùng Ngân hàng Thế giới (WB) thực hiện đã nêu rõ các ngành, lĩnh vực mà FDI sẽ tạo ra giá trị gia tăng nhiều nhất, đồng thời có tác động mạnh mẽ nhất giúp đạt được những kết quả mong muốn của chiến lược thu hút đầu tư FDI thế hệ mới.

Cụ thể, ưu tiên thu hút FDI trước mắt sẽ là các ngành thúc đẩy gia tăng giá trị và năng lực cạnh tranh trong nước, bao gồm sản xuất (Kim loại phẩm cấp cao/khoáng sản/hóa chất/nhựa, linh kiện điện tử/công nghệ cao; máy và thiết bị công nghiệp); dịch vụ (Logistics & Bảo trì, sửa chữa, đại tu (MRO)); nông nghiệp (nông sản mới giá trị cao: gạo cao sản, cà phê chè, hải sản, trồng trọt thủy canh...); du lịch (dịch vụ du lịch đặc biệt giá trị cao).

Trong ngắn hạn, dành ưu tiên cho các ngành có cơ hội hẹp để cạnh tranh như chế biến, chế tạo (các OEM và nhà cung cấp thiết bị công nghiệp ô tô, thiết bị vận tải và ô tô...); công nghệ môi trường (thiết bị điện gió, điện mặt trời, bảo tồn nguồn nước...)

Trong trung hạn, ưu tiên các ngành đi đôi với mở cửa thị trường và phát triển kỹ năng, bao gồm chế biến - chế tạo (dược phẩm, thiết bị y tế); dịch vụ (công nghệ thông tin và dịch vụ trí thức: kế toán, thiết kế; dịch vụ tài chính, công nghệ tài chính; dịch vụ giáo dục và y tế;...)

3.2. Chuyển từ “thu hút thụ động” sang “thu hút chủ động” - Hợp tác đầu tư nước ngoài win-win

Trong Nghị quyết 50/NQ-TW của Bộ Chính trị ngày 20/8/2019 định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030, cụm từ “hợp tác đầu tư” đã được sử dụng thay cho cụm “thu hút đầu tư”.

Đây là một thay đổi đáng chú ý. Điều này thể hiện sự bình đẳng và chủ động của Việt Nam trong quan hệ với các nhà đầu tư nước ngoài, hướng tới mối quan hệ hợp tác đôi bên cùng có lợi. Vì chủ động, nên định hướng chiến lược thu hút của Việt Nam sẽ là ưu tiên lựa chọn những doanh nghiệp, dự án tốt, phù hợp với chiến lược phát triển trong thời gian tới.

Tuy nhiên, lựa chọn lĩnh vực ưu tiên để xúc tiến đầu tư FDI không nên hiểu là “lựa chọn người thắng” hay nhà nước ưu tiên ngành này so với những ngành kia, mà nên coi là đề xuất về xác định ưu tiên, vì sẽ việc đồng thời xúc tiến FDI chủ động cho tất cả các ngành là không khả thi và không phải ngành nào cũng cần xúc tiến chủ động. Quan trọng nhất là nguồn lực hữu hạn phải được tập trung cho những ngành tiềm năng nhất, bảo đảm rằng chiến lược phát triển quốc gia đạt được kết quả mong muốn.

Như vậy, trong thời gian tới, có thể nói một trong những thay đổi lớn về chính sách mà Việt Nam cần thực hiện là chuyển dịch từ chính sách “mở cửa” bị động đối với FDI sang

chính sách “gỡ đúng cánh cửa” có tính chủ động cao để thu hút các loại hình đầu tư mà Việt Nam thực sự cần đến tại thời điểm này trong tiến trình phát triển.

3.3. Chuyển từ “thu hút dựa trên hiệu quả tài chính và quy mô dự án” sang “thu hút dựa trên hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường”

Trong bối cảnh nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên đang dần cạn kiệt, biến đổi khí hậu gia tăng, xu hướng phát triển nền kinh tế xanh và bền vững đang dần trở thành xu thế của thời đại, các ngành năng lượng mới, năng lượng tái tạo được đầu tư phát triển với triển vọng trở thành nguồn năng lượng chủ đạo trong tương lai. Từ năm 2010, UNCTAD đã đưa ra các thuật ngữ “low carbon FDI” hay “green FDI” gồm: Hàng hóa, dịch vụ có hàm lượng cacbon thấp và quy trình, công nghệ sản xuất thải ra ít khí CO₂. Theo đó, Chính phủ các nước xác định tiêu chuẩn môi trường trở thành một yếu tố cấu thành của môi trường kinh doanh, coi đây là chính sách quốc gia trong thu hút đầu tư trong nước và FDI.

Việt Nam không nằm ngoài xu thế đó. Chính phủ đang hợp tác rất thành công với Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP). Đặc biệt, UNDP vừa công bố gói tài chính hỗ trợ trị giá 120 triệu USD cho Việt Nam trong giai đoạn 2022-2026, được sử dụng nhằm đẩy nhanh tiến trình hiện thực hóa các Mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc. Kế hoạch chiến lược của UNDP hướng tới ba lĩnh vực thành quả chính: (i) Xây dựng sự thịnh vượng chung thông qua chuyển đổi kinh tế bền vững; (ii) Biến đổi khí hậu, tăng cường khả năng chống chịu với thiên tai và môi trường bền vững; (iii) quản trị công. Đây là một ví dụ về nỗ lực của Chính phủ Việt Nam để đạt được các Mục tiêu Phát triển bền vững và mong muốn tạo điều kiện thuận lợi cho FDI trong phát triển bền vững. (Majo George, 2022)

Việt Nam đã xem xét và lựa chọn dòng vốn FDI một cách cẩn thận hơn, đảm bảo sự cân bằng giữa các lợi ích kinh tế, môi trường và xã hội. Minh chứng là Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1658/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050. Chiến lược đặt ra những mục tiêu cụ thể hướng đến xanh hóa nền kinh tế Việt Nam, bao gồm: áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, tăng cường sản xuất năng lượng tái tạo, giảm phát thải khí nhà kính, phát triển cơ sở hạ tầng bền vững... Nghị quyết 50 của Bộ Chính trị cũng đưa ra một góc nhìn khá cân bằng và bền vững về thu hút FDI, trong đó nhấn mạnh đến tạo điều kiện phát triển lâu dài, đảm bảo hài hòa lợi ích nhà đầu tư, Nhà nước và người lao động; thu hút có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, môi trường là các tiêu chí đánh giá chủ yếu; ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Đây là văn bản định hướng ở cấp cao nhất và cũng thể hiện định hướng FDI bền vững cao nhất từ trước đến nay, thể hiện yêu cầu với cả 4 góc độ: quản trị, kinh tế, môi trường, lao động và xã hội.

3.4. *Đẩy mạnh hợp tác giữa khu vực FDI và khu vực nội địa, gia tăng giá trị trong nước*

Trong định hướng lựa chọn dự án FDI trong thời gian tới được Nghị quyết 50 của Bộ Chính trị, một xu hướng quan trọng đó là ưu tiên những dự án công nghệ cao, công nghệ nguồn, dự án đầu tư của những tập đoàn lớn, đồng thời thúc đẩy kết nối doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước ứng dụng công nghệ cao, giúp các doanh nghiệp nội địa nhập vào mạng lưới sản xuất toàn cầu, đồng thời giảm dần sự phụ thuộc vào dòng vốn này. Sự phụ thuộc này sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế tư nhân trong nước, đồng thời còn gây ra những rủi ro cho nền kinh tế Việt Nam trước những biến động của kinh tế toàn cầu. Theo ông Vũ Tiến Lộc, Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) nhận định: “Nếu có cùng tầm nhìn thì doanh nghiệp FDI sẵn sàng đặt doanh nghiệp Việt Nam lên vai họ để cùng phát triển”, cùng phát triển ở đây không có nghĩa là sợ FDI mạnh quá nên “kéo” họ xuống, mà phải là “đẩy” doanh nghiệp nội địa lên.

Như vậy, xây dựng chính sách FDI cần dựa trên quan điểm: việc có một nền tảng cung ứng có năng lực cạnh tranh trong nước là rất quan trọng để giúp xây dựng hệ sinh thái sản xuất và giữ chân nhà đầu tư thông qua việc nội địa hóa chuỗi cung ứng. Trong bối cảnh hiện tại, có thể nói rằng Việt Nam còn thiếu một hệ thống chính sách liên kết nhất quán để giúp gia tăng tỷ lệ nội địa hóa, trong khi khối kinh tế tư nhân Việt Nam thiếu các nhà cung cấp tiềm năng có đủ năng lực cạnh tranh, vốn và năng lực đổi mới sáng tạo để cung ứng cho các doanh nghiệp FDI. Theo báo cáo của World Bank (2017) “Việt Nam: Nâng cao Năng lực Cạnh tranh của Doanh nghiệp và Tăng cường kết nối với doanh nghiệp Việt Nam”, có thể thấy sự tham gia hạn chế của các công ty Việt Nam trong chuỗi cung ứng của các tập đoàn đa quốc gia bắt nguồn từ 3 yếu tố- thất bại trong điều phối, hạn chế về thông tin và năng lực yếu kém từ phía doanh nghiệp trong nước tại Việt Nam. Chính phủ Việt Nam đã nhận ra hạn chế này và đã khởi động một số chương trình, trong đó có Chương trình Phát triển Công nghiệp phụ trợ do Cục Công nghiệp, Bộ Công Thương làm đầu mối. Tăng cường kết nối doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp nội địa là một trong những mục tiêu quan trọng của chương trình này.

4. Kết luận và một số hàm ý chính sách

Với môi trường kinh tế - chính trị ổn định, nhiều tiềm năng phát triển trong ngắn và dài hạn cùng việc dịch chuyển vốn FDI do ảnh hưởng từ các hiệp định thương mại tự do hay chiến tranh thương mại Mỹ- Trung, Việt Nam đang trở thành một điểm đến đầu tư an toàn và hấp dẫn trong khu vực Đông Nam Á. Tuy nhiên, để nắm bắt được những cơ hội mới, bắt kịp xu thế thời đại, đem lại nguồn lợi phát triển cho quốc gia, Việt Nam cần có những chiến lược tiếp cận FDI mới chú trọng hơn tính hiệu quả sử dụng vốn, tập trung xoay quanh chiến lược phát triển dài hạn của đất nước. Qua quá trình nghiên cứu tài liệu, nhóm tác giả đề xuất một số hàm ý chính sách cho Việt Nam như sau:

Một là, đổi mới khung chính sách về ưu đãi đầu tư nhằm thúc đẩy các tập đoàn đa quốc gia đặt trụ sở, xây dựng các trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, đầu tư vào các dự án ít tác động tiêu cực đến môi trường địa phương,... Đồng thời, các chính sách hỗ trợ, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư hậu Covid 19 là vô cùng thiết yếu.

Hai là, chủ động theo dõi, nắm bắt hướng dịch chuyển FDI và công nghệ vào Việt Nam. “Để thu hút những dự án đầu tư phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của đất nước, cần theo dõi sát sao xu hướng dịch chuyển FDI từ đó nhằm hoạch định nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để tiếp nhận FDI thế hệ mới”(Phạm Minh Anh, 2022). Xu hướng dịch chuyển FDI hiện nay đang vào các ngành lĩnh vực công nghệ cao, tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; sản xuất thiết bị y tế, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo, dịch vụ chất lượng cao, dịch vụ tài chính, logistic và các dịch vụ hiện đại khác. Cùng với đó, song song với việc nắm bắt xu thế cũng cần xây dựng “môi trường đầu tư 4.0” phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp trong kỷ nguyên số, tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, cả về số lượng và chất lượng để thu hút FDI thế hệ mới.

Ba là, cần khuyến khích các doanh nghiệp FDI nước ngoài lan tỏa công nghệ, liên kết với các doanh nghiệp trong nước. Việc chỉ chú trọng vào các lợi ích kinh tế các doanh nghiệp FDI mang lại là chưa đủ vì với sự phát triển và thay đổi chóng mặt trong thời đại 4.0 hiện nay, yếu tố đổi mới công nghệ và nâng cấp trình độ lao động mới giúp quốc gia phát triển bền vững và nâng cao vị thế trên trường quốc tế. Thực tế cho thấy, hiện nay, mối liên kết giữa các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa còn yếu. Chính vì vậy, các doanh nghiệp nội địa cần tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới kỹ thuật để có thể trở thành đối tác hoặc nhà thầu phụ cho các doanh nghiệp FDI, tiến tới hợp tác và học hỏi công nghệ, kỹ thuật từ họ. Đồng thời, cũng cần có thêm các chính sách bên cạnh Nghị quyết 50 nhằm khuyến khích các doanh nghiệp FDI sử dụng dịch vụ trong nước, đồng thời khuyến khích chuyển giao công nghệ, hỗ trợ nâng cao năng lực các doanh nghiệp địa phương.

Bốn là, cần tập trung vào trình độ phát triển các tỉnh thành. Các nhà hoạch định chính sách cần phân loại và đề ra giải pháp để thu hút và tận dụng hiệu quả FDI đối với từng tỉnh thành. Cụ thể, theo Ông Nguyễn Mai, Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài Việt Nam (2021), nhận định rằng “Về mức độ phát triển, cần tính đến ba mức độ. Thứ nhất, đối với các tỉnh thành phố thu hút nhiều vốn FDI nhất và có tốc độ phát triển kinh tế mạnh như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Đà Nẵng, Quảng Nam, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu. Thứ hai, đối với các khu vực miền núi phía Bắc như Lai Châu, Điện Biên, Cao Bằng, Hà Giang. Thứ ba, đối với các tỉnh, thành phố đứng giữa bảng xếp hạng về thu hút vốn FDI như Hưng Yên, Nam Định, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị và các tỉnh khác.” Những chính sách khuyến khích và kiểm soát đầu tư FDI cần thay đổi cụ thể theo từng nhóm tỉnh thành trên. Đối với nhóm thứ nhất, nên chuyển sang giai đoạn thu hút có chọn lọc, kiên quyết nói không với các dự án, doanh nghiệp FDI

chất lượng kém, có ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình kinh tế- xã hội tại địa phương. Đối với nhóm địa phương thứ 2, cần nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng, cải thiện hệ thống thông tin liên lạc từ đó sẵn đón, khuyến khích các nhà đầu tư tận dụng lợi thế giá đất, mặt bằng và giá nhân công rẻ hơn các địa phương khác.

Năm là, cần xây dựng khung tiêu chí đánh giá thu hút và sử dụng FDI. Với mục tiêu phát triển bền vững đã đề ra đặc biệt là trong công cuộc bảo vệ môi trường, cần xây dựng khung tiêu chí đánh giá chính xác, chuẩn mực và cụ thể hơn thay vì những tiêu chuẩn chung chung. “Ví dụ, tại một khu công nghiệp để cấp phép cho một dự án có vốn đầu tư nước ngoài, các tiêu chí và định mức phải được đặt ra là phải quy định tối thiểu bao nhiêu đô la cho mỗi ha đất đã giải phóng mặt bằng và đóng góp vào ngân sách nhà nước là bao nhiêu.” (Nguyễn Mai, 2021).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Quốc hội (1987) ‘Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam’.
- Quốc hội (1996) ‘Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam’.
- Quốc hội (2005) ‘Luật Đầu tư năm 2005’.
- Quốc hội (2010) ‘Luật Đầu tư năm 2010’.
- Quốc hội (2014) ‘Luật Đầu tư năm 2014’.
- Quốc hội (2020) ‘Luật Đầu tư năm 2020’.
- Phùng Xuân Nhạ (2013) *Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam: Lý luận và thực tiễn*. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- Cục Đầu tư trực tiếp nước ngoài - Bộ KH&ĐT (2019) ‘Báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2019.’
- Cục Đầu tư trực tiếp nước ngoài - Bộ KH&ĐT (no date) ‘Báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2020.’
- Cục Đầu tư trực tiếp nước ngoài - Bộ KH&ĐT (2021) ‘Báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2021.’
- Trung tâm WTO và Hội nhập (2021) ‘Tổng hợp các FTA của Việt Nam tính đến tháng 01/2022’.
- Vũ Thị Yếu (2021) ‘Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020’.
- UNCTAD ‘Investment Trends Monitors No 38, 39, 40’.
- Cần Văn Lực (2020) ‘Tác động của đại dịch Covid-19 đối với kinh tế Việt Nam: Một số khuyến nghị’, *Diễn đàn Vietnam Finance* .
- Đặng Hoài Linh (2020) ‘Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam trong giai đoạn hậu đại dịch Covid-19’, *Tạp chí Ngân hàng*, Số 14/2020.
- Nguyễn Thuỳ Dương & Phan Thu Giang (2021) ‘Xu hướng dịch chuyển FDI đến các nước đang phát triển và đề xuất cho Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19’.
- Trương Đình Chiến & Nguyễn Hoài Nam (2021) ‘Xu hướng chuyển dịch dòng vốn FDI trong bối cảnh biến động địa chính trị và tác động của đại dịch Covid-19: Cơ hội nào cho Việt Nam?’
- VCCI & World Bank Group (2021) ‘Báo cáo: Tác động của dịch bệnh Covid-19 đối với doanh nghiệp Việt Nam: Một số phát hiện chính từ điều tra’.

- Đào Hoàng Tuấn (2020) ‘Một số giải pháp tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài và doanh nghiệp trong nước ở Việt Nam’, *Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế*, Số 133 (12/2020).
- Nguyễn Thị Thùy Vinh (2018) ‘Liên kết giữa các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp Việt Nam: hình thức liên kết và tác động tới doanh nghiệp Việt Nam’, *Tạp chí Kinh tế đối ngoại*, Số 99.
- Trần Thị Hồng Minh (2020) ‘Thực hiện hiệu quả Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực gắn với cải thiện tính tự chủ của nền kinh tế: Yêu cầu hoàn thiện thể chế thương mại và đầu tư ở Việt Nam’. Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.
- Bộ Khoa học và Công nghệ (2019) ‘Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia về thực trạng phát triển khu vực FDI trong thực hiện chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam’.
- Hồ Đình Bảo (2020) ‘Chính sách FDI và phát triển bền vững ở Việt Nam’.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2018) ‘Kỷ yếu hội nghị “30 năm thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt nam, tầm nhìn và cơ hội mới trong kỷ nguyên mới”’.
- Bộ Chính trị (2019) ‘Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.’
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2018) ‘Dự thảo chiến lược và định hướng chiến lược thu hút FDI thế hệ mới, giai đoạn 2018-2030.’
- Nhóm Ngân hàng Thế giới và Tổ chức Tài chính quốc tế (2018) ‘Báo cáo khuyến nghị Chiến lược FDI thế hệ mới và tầm nhìn chiến lược 2020-2030.’
- Hà Văn Hội (2021) ‘Bức tranh FDI toàn cầu và định hướng thu hút FDI thế hệ mới của Việt Nam trong bối cảnh kinh tế thế giới suy giảm trên diện rộng’.
- Lê Xuân Sang (2021) ‘Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong bối cảnh mới’, *Tạp chí Tài chính*. Kỳ 1+2 tháng 02/2021.
- Nguyễn Như Quảng (2021) ‘Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong bối cảnh mới hiện nay’.
- Phạm Minh Anh (2022) ‘Thách thức mới trong thu hút FDI vào Việt Nam’, *Tạp chí Tài chính số*, Kỳ 2 tháng 5/2022.
- Nguyễn Bích Lâm (2021) ‘Việt Nam cần làm gì để tiếp tục dẫn đầu trong cuộc đua giành FDI’. Available at: <https://www.gso.gov.vn/tin-tuc-khac/2021/12/viet-nam-can-lam-gi-de-tiep-tuc-dan-dau-tong-cuoc-dua-gianh-fdi/>.
- Nguyễn Đức (2021) ‘Định hình FDI thế hệ mới’, *Báo Đầu tư*. Available at: <https://baodautu.vn/dinh-hinh-fdi-the-he-moi-d102170.html>.
- Nguyễn Mai (2021) ‘Vietnam’s FDI attraction needs a new approach’, *Vietnam Investment Review*. Available at: <https://vir.com.vn/vietnams-fdi-attraction-needs-a-new-approach-84229.html> (Accessed: 25 September 2022).
- Anh Duy (2020) ‘Cách thức mới để tiếp cận nguồn vốn FDI’, *Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam*. Available at: <https://diendandoanhngiep.vn/cach-thuc-moi-de-tiep-can-nguon-von-fdi-157297.html> (Accessed: 25 September 2022).